

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 17 - 5 - 2024.

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tú Oanh.
- Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị Đ – Sinh năm 1962 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế T – Sinh năm 1948 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn yêu cầu và Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, nguyên đơn bà Quách Thị Đ trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Quách Thị Đ) và ông Nguyễn Thế T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/12/1995, trên cơ sở hai bên tự nguyện, không bên nào bị ép buộc hoặc lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2009 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân nhau đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai vợ chồng tự hòa giải và gia đình góp ý nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Thế T có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T1 – Sinh năm 1996. Cháu T1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có sức khỏe, đủ khả năng lao động và có thu nhập, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Thế T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn yêu cầu và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Thế T trình bày có nội dung như sau:

Tôi và bà Quách Thị Đ tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/12/1995.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tôi và bà Quách Thị Đ chung sống hạnh phúc, sau đó từ đầu năm 2009 thì chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Quách Thị Đ.

Về con chung: Tôi và bà Quách Thị Đ có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T1 – Sinh năm 1996. Cháu T1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng tự lo cho cuộc sống riêng của mình, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Quách Thị Đ tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự

của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà Quách Thị Đ. Chấp nhận bà Quách Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thế T. Về con chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T1 – Sinh năm 1996, đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có sức khỏe, đủ khả năng lao động và có thu nhập, nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Quách Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thế T, có địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Quách Thị Đ và bị đơn ông Nguyễn Thế T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/12/1995. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T đều xác nhận trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Bà Đ và ông T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp

nhận yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T1 – Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996, đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có sức khỏe, đủ khả năng lao động và có thu nhập tự lo cho cuộc sống của mình, nên bà Đ và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Quách Thị Đ - sinh năm 1962, là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Quách Thị Đ đối với ông Nguyễn Thế T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

Về con chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T1 – Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996, đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có sức khỏe, đủ khả năng lao động và có thu nhập tự lo cho cuộc sống của mình, nên bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Thị Đ và ông Nguyễn Thế T không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Quách Thị Đ - sinh năm 1962, là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường T, TP.BMT;

(Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 02 ngày 18/12/1995)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương